

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HS-PT

Ngày: 18-02-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thế Xương

Ông Tôn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Hoàng Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 93/2019/TLPT-HS ngày 19 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Huỳnh Trường T do có kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 72/2019/HSST ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- **Bị cáo: Huỳnh Trường T**, sinh năm 1994 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số xx/x Tổ x, Ấp x, xã A, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Huỳnh Văn M và bà Bùi Thị Minh H; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo:** Ông Trần Ngọc A, sinh năm 1957. Nơi cư trú: ấp T, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre, có mặt;

- **Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Trần Ngọc A:** Ông Trần Nhật Long Huy – Luật sư Văn phòng luật sư Huy Nguyên thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre, có mặt;

- **Người tham gia tố tụng khác có liên quan đến kháng cáo:**

+ Anh Mai Văn Tr, sinh năm 1985. Nơi cư trú: ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, có mặt;

+ Chị Lê Thị N, sinh năm 1987. Nơi cư trú: Số xxxF ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ ngày 20/5/2019, Huỳnh Trường T, có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô tải biển số 71C-xxx.xx trên xe chở Trần Thanh T (sinh năm: 1982; ĐKTT: ấp B, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre) và Lê Tấn P (sinh năm: 2003; ĐKTT: Ấp x, xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre), trên thùng xe chở vỏ thùng nước đóng chai lưu thông trên đường Quốc lộ 57B theo hướng vòng xuyên G về hướng ngã tư huyện C, tỉnh Bến Tre. Khi đến khu vực thuộc ấp Q, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre do vỏ thùng đựng nước đóng chai trên thùng xe bị rơi xuống mặt đường nên T dừng xe ô tô tải lại rồi cho lùi xe theo hướng ngược lại trên đường khoảng 50 mét thì va chạm với xe mô tô biển số 71H2-xxxx do Trần Ngọc G điều khiển đang lưu thông từ phía sau đến. Hậu quả làm Trần Ngọc G bị thương và tử vong tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Tiền Giang lúc 18 giờ 35 phút cùng ngày.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường được lập lúc 13 giờ 35 phút ngày 20/05/2019 xác định được:

+ Đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là đoạn đường thẳng, có dây phân cách cứng chia mặt đường thành hai phần xe chạy riêng biệt. Mỗi phần đường được chia thành ba làn đường và được phân biệt bởi vạch sơn đứt nét. Nơi xảy ra tai nạn nằm ở phần đường bên phải theo hướng từ vòng xuyên G về hướng ngã tư huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Hiện trường được vẽ theo hướng Bắc, chọn mép đường bên phải theo hướng vòng xuyên G về hướng ngã tư huyện C, tỉnh Bến Tre là mép đường chuẩn.

+ Xe mô tô biển số 71H2- xxxx sau va chạm nằm trên phần đường bên phải, đầu xe quay về hướng ngã tư huyện, đuôi xe quay về hướng vòng xuyên cảng G, trực trước cách mép đường chuẩn là 4,10 mét, trực sau cách mép đường chuẩn 4,15 mét.

+ Vết cày mô tô biển số 71H2- xxxx nằm trên phần đường bên phải dài 2,15 mét; đầu vết cày cách mép đường chuẩn là 3,90 mét; đuôi vết cày cách mép đường chuẩn là 4,0 mét.

+ Khu vực mảnh vỡ nằm trên phần đường bên phải, có kích thước (1,50 x 1,10 mét); tâm khu vực cách mép đường chuẩn là 4,70 mét.

+ Xe ô tô tải 71C-xxx.xx nằm trên phần đường bên phải; đầu xe quay về hướng ngã tư huyện, đuôi xe quay về hướng vòng xuyên cảng G; trực trước bên phải cách mép đường chuẩn là 2,60 mét; trực trước bên trái cách mép đường chuẩn là 4,10 mét; trực sau bên phải cách mép đường chuẩn là 2,50 mét; trực sau bên trái cách mép đường chuẩn là 4,20 mét.

Tại biên bản khám nghiệm phương tiện được lập ngày 24/05/2019 xác định được:

- Xe mô tô biển số 71H2-xxxx: Gương chiếu hậu bên trái bị rơi mất; Gương chiếu hậu bên phải bị cong dẹt từ trước ra sau; Đồng hồ công tơ mét bị vỡ hoàn toàn; Ốp đầu đèn phía trước bị vỡ hoàn toàn; Đèn chiếu sáng phía trước bị bung ra khỏi vị trí ban đầu; Tay cầm lái bên trái, phải bị cong dẹt từ trước ra sau; Mặt nạ phía trước của xe bị vỡ hoàn toàn; Đèn chuyển hướng phía trước bên phải, trái bị bung ra khỏi vị trí ban đầu; Cánh búng phía trước bên phải, bên trái bị bung bễ rơi khỏi vị trí ban đầu; Phần sườn xe phía trước có vết hằn khuyết kim loại kích thước 07 x 03 cm; Cung trước chắn bùn bánh xe trước bị bễ rơi mất; ốp phuộc trước bên trái bị bễ; Phuộc trước bị cong thụng chiều hướng từ trước về sau; Chấn ba xe bị cong thụng chiều hướng từ trước về sau, từ trên xuống dưới.

- Xe ô tô tải biển số 71C-xxx.xx: Góc bên trái thùng xe phía sau có vết thụng móp kích thước 50 cm x 25 cm; Hệ thống đèn chuyển hướng, đèn báo hãm phía sau bên trái bị vỡ hoàn toàn; Cạnh dưới bên trái thùng xe phía sau bị thụng móp; Mặt phía sau thanh kim loại thùng xe phía sau bên trái có vết thụng móp kích thước 06 cm x 02 cm; Cung sau chắn bùn bánh xe sau bên trái có vết thụng móp.

** Tại bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 72/TT ngày 27/05/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre kết luận:*

- *Dấu hiệu chính qua giám định:* Trên cơ thể có nhiều vết sây sát, giập rách da cơ, bầm tụ máu. Biến dạng đầu trên căng cứng chân phải và trái; Sây sát da, bầm tụ máu vùng ngực, bụng; Tổ chức dưới da, cơ bị xuất huyết, tụ máu; Tụ máu sau xương ức, gãy xương sườn số 6,7 bên phải và 5,6,7 bên trái; Máu loãng trong khoang ngực phải và trái lượng nhiều; Giập rách, sung, xuất huyết nặng 02 phổi; Xuất huyết, tụ máu màng ngoài tim, dịch màu hồng trong khoang tim; Máu loãng trong khoang bụng lượng nhiều; Sung, xuất huyết gan, dạ dày và ruột. Lách bị giập, vỡ nham nhỏ; Giập, sung, xuất huyết, tụ máu nặng mạc nối lớn và mạc treo.

- *Nguyên nhân chết:* Nạn nhân Trần Ngọc G chết do đa chấn thương.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2019/HS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Huỳnh Trường T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Huỳnh Trường T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 590, 591, 601, 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4, 5 Điều 69 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 48 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 18/7/2006 của Tòa án nhân dân

tối cao; Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014: Ghi nhận anh Mai Văn Tr và bị cáo Huỳnh Trường T đã bồi thường xong tiền sửa xe của anh G và tiền mai táng phí cho người đại diện hợp pháp của anh G số tiền 59.600.000 đồng và không có yêu cầu gì khác. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Huỳnh Trường T và anh Mai Văn Tr và những người đại diện hợp pháp của anh Trần Ngọc G về người chịu trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của anh G là anh Mai Văn Tr (chủ xe ô tô tải biển số 71C-xxx.xx). Buộc anh Mai Văn Tr có trách nhiệm bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của anh G gồm: ông Trần Ngọc A, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Mỹ V, cháu Trần Thị Mỹ N và cháu Trần Đình Th (chị V là người đại diện hợp pháp của cháu N và cháu Th) số tiền: Chi phí điều trị, tiền tàu xe đưa anh G đi bệnh viện và về nhà là 8.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 119.200.000 đồng. Tổng cộng chung là 127.200.000 (một trăm hai mươi bảy triệu hai trăm nghìn) đồng. Buộc anh Mai Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị Mỹ V nuôi cháu Trần Thị Mỹ N, sinh ngày 10/3/2012 và cháu Trần Đình Th, sinh ngày 25/4/2017 (là con của anh G và chị V) mỗi tháng số tiền là 745.000 đồng/cháu (bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/5/2019 cho đến khi cháu N và cháu Th tròn 18 tuổi. Vì lợi ích của cháu N và cháu Th, chị V, anh Tr có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về phần lãi suất chậm thi hành án, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/11/2019 đại diện hợp pháp của bị hại, ông Trần Ngọc A kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt tù đối với bị cáo, không cho bị cáo hưởng Điều 54 Bộ luật Hình sự; về trách nhiệm dân sự, buộc anh Tr và chị N là vợ của anh Tr phải liên đới bồi thường tiền tổn thất tinh thần là 100 tháng lương tối thiểu với số tiền 149.000.000 đồng, anh Tr và chị N phải liên đới cấp dưỡng cho cháu N và cháu Th là con của anh G mỗi cháu 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi hai cháu trưởng thành.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản án sơ thẩm. Đại diện hợp pháp của bị hại giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Huỳnh Trường T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và xử phạt bị cáo 09 tháng tù phù hợp. Về trách nhiệm dân sự Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Tr bồi thường tiền tổn thất tinh thần và cấp dưỡng là phù hợp. Đề nghị căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án

sơ thẩm. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Trường T 09 (chín) tháng tù về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Về trách nhiệm dân sự, buộc anh Mai Văn Tr bồi thường cho đại diện hợp pháp của anh G 127.200.000 đồng và cấp dưỡng cho Trần Thị Mỹ N và Trần Đình Th mỗi tháng 745.000 đồng đến khi tròn 18 tuổi. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bảo vệ quyền lợi cho ông Ngọc A cho rằng, về trách nhiệm dân sự chi phí nuôi dưỡng chăm sóc một trẻ 745.000 đồng/tháng là rất thấp, đề nghị tăng mức cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.500.000 đồng/tháng; Về tổn thất tinh đề nghị chấp nhận 100 tháng lương cơ bản. Về trách nhiệm bồi thường, anh Tr và chị N còn tồn tại hôn nhân, xe là tài sản chung của vợ chồng, T chạy xe cho doanh nghiệp, chị N liên đới cùng sử dụng lao động nên cùng chịu trách nhiệm bồi thường. Về hình phạt tù đối với bị cáo đề nghị xem xét theo quy định pháp luật.

Anh Tr tranh luận, không đồng ý bồi thường theo kháng cáo của ông Ngọc A;

Chị N tranh luận, không đồng ý bồi thường theo kháng cáo của ông Ngọc A;

Lời nói sau cùng, bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt tù để sớm về làm ăn bồi thường thiệt hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định. Khoảng 12 giờ ngày 20/5/2019, Huỳnh Trường T có giấy phép lái xe theo quy định, điều khiển xe ô tô tải biển số 71C-xxx.xx tham gia giao thông trên Quốc lộ 57b theo hướng vòng xuyên G về hướng ngã tư huyện C và thực hiện việc lùi xe (lùi xe trên đường một chiều), do lùi xe không đảm bảo an toàn (vi phạm khoản 1 Điều 16 Luật giao thông đường bộ) nên đã va chạm với xe mô tô biển số 71H2-xxxx do anh Trần Ngọc G điều khiển gây tai nạn, hậu quả làm anh G tử vong do đa chấn thương. Với ý thức, hành vi và hậu quả mà bị cáo đã gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Huỳnh Trường T phạm tội “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của ông Ngọc A yêu cầu tăng nặng hình phạt tù đối với bị cáo thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt đã xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo không có tình tiết tăng nặng; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và anh Tr đã bồi thường, khắc phục một phần thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại (theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo 09 tháng tù là phù hợp nên được giữ nguyên và không chấp nhận kháng cáo của ông Ngọc A về hình phạt tù đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

4.1. Xét yêu cầu tăng tiền bồi thường tổn thất tinh thần, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng mức bồi thường tổn thất tinh thần là 80 tháng lương cơ bản. Yêu cầu kháng cáo về tổn thất tinh thần của ông Ngọc A không vượt mức tối đa. Xét lỗi trong vụ tại nạn là do bị cáo, yêu cầu của ông Ngọc A là có cơ sở nên cần tăng thêm một phần bù đắp tổn thất tinh thần cho đại diện hợp pháp của bị hại tương đương 90 tháng lương cơ bản là 134.100.000 đồng.

4.2. Xét yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con của bị hại, thấy rằng tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của hai con bị hại là chị Nguyễn Thị Mỹ V thỏa thuận với người có nghĩa vụ cấp dưỡng mức cấp dưỡng mỗi tháng cho mỗi cháu là 745.000 đồng, phù hợp với quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận mức cấp dưỡng theo đúng thỏa thuận của các bên là có cơ sở và chị V không có kháng cáo nên được giữ nguyên.

4.3. Xét kháng cáo về trách nhiệm bồi thường thấy rằng, quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã xác định chủ phương tiện gây tai nạn giao thông là anh Mai Văn Tr nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh Tr (là chủ phương tiện nguồn nguy hiểm cao độ) cùng với bị cáo T (người gây tai nạn) liên đới bồi thường thiệt hại và anh Tr có trách nhiệm bồi thường (trên cơ sở thỏa thuận của các bên) là có căn cứ phù hợp với Điều 601 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy, kháng cáo của ông Ngọc A yêu cầu buộc chị N cùng có trách nhiệm bồi thường là không phù hợp nên không được chấp nhận.

Do thay đổi mức bồi thường thiệt hại nên điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm cho phù hợp.

Với các lẽ trên, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Ngọc A, sửa bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự.

[5] Về án phí, ông Trần Ngọc A không phải chịu án phí phúc thẩm

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Ngọc A, sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Trường T phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54, Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo **Huỳnh Trường T** 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 4, 5 Điều 69 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Điều 590, 591, 601, 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 117 của Luật hôn nhân gia đình.

Ghi nhận anh Mai Văn Tr và bị cáo Huỳnh Trường T đã bồi thường xong tiền sửa xe của anh G và tiền mai táng phí cho người đại diện hợp pháp của anh G số tiền 59.600.000 (Năm mươi chín triệu sáu trăm ngàn) đồng và không có yêu cầu gì khác.

Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Huỳnh Trường T và anh Mai Văn Tr và những người đại diện hợp pháp của anh Trần Ngọc G về người chịu trách nhiệm bồi thường cho người đại diện hợp pháp của anh G là anh Mai Văn Tr (chủ xe ô tô tải biển số 71C-xxx.xx).

Buộc anh Mai Văn Tr có trách nhiệm bồi thường cho những người đại diện hợp pháp của anh G gồm: ông Trần Ngọc A, bà Nguyễn Thị T, chị Nguyễn Thị Mỹ V, cháu Trần Thị Mỹ N và cháu Trần Đình Th (chị V là người đại diện hợp pháp của cháu N và cháu Th) số tiền: Chi phí điều trị, tiền tàu xe đưa anh G đi bệnh viện và về nhà là 8.000.000 đồng; Tiền tổn thất tinh thần là 134.100.000 đồng. Tổng cộng chung là 142.100.000 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu một trăm nghìn) đồng.

Buộc anh Mai Văn Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị Nguyễn Thị Mỹ V nuôi cháu Trần Thị Mỹ N, sinh ngày 10/3/2012 và cháu Trần Đình Th, sinh ngày 25/4/2017 (là con của anh G và chị V) mỗi tháng số tiền là 745.000 đồng/cháu (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 20/5/2019 cho đến khi cháu N và cháu Th tròn 18 tuổi. Vì lợi ích của cháu cháu N và cháu Th, chị V, anh Tr có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

[2] Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 12; Điều

23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Trần Ngọc A không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm anh Mai Văn Tr phải nộp là 7.105.000 (Bảy triệu một trăm lẻ năm ngàn) đồng.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã A, Tp. M, Tiền Giang (1b);
- Bị cáo (1b);
- Đại diện hợp pháp của bị hại (1b);
- Người tham gia tố tụng khác (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Tỉnh